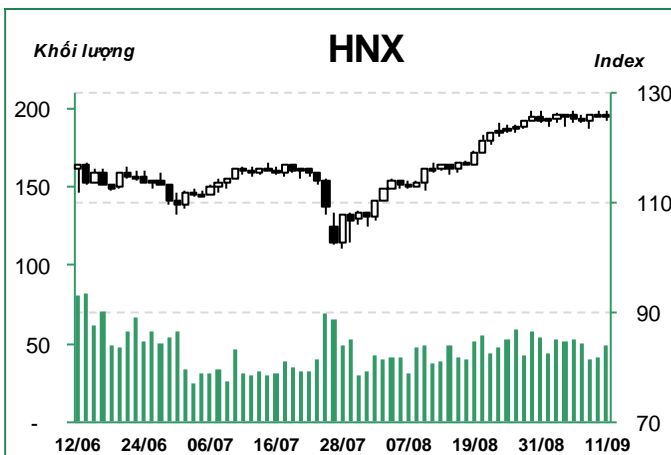
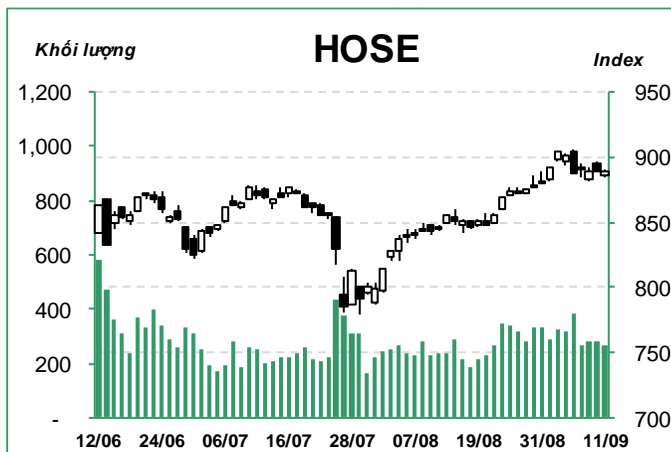


## Tổng quan thị trường

11/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>888.97</b>	<b>0.02%</b>	<b>825.56</b>	<b>-0.04%</b>	<b>126.21</b>	<b>0.31%</b>
Cuối tuần trước	901.54	-1.39%	840.54	-1.78%	126.15	0.05%
Trung bình 20 ngày	879.33	1.10%	815.22	1.27%	124.40	1.45%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>309.91</b>	<b>-19.97%</b>	<b>78.63</b>	<b>-46.21%</b>	<b>49.82</b>	<b>4.69%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>269.59</b>	<b>-4.75%</b>	<b>64.10</b>	<b>-5.26%</b>	<b>48.53</b>	<b>19.49%</b>
Trung bình 20 ngày	298.19	-9.59%	80.62	-20.49%	49.68	-2.32%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>5,517.67</b>	<b>-51.72%</b>	<b>2,308.37</b>	<b>-70.10%</b>	<b>515.35</b>	<b>-5.50%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>4,529.37</b>	<b>-7.30%</b>	<b>1,805.69</b>	<b>-11.43%</b>	<b>499.45</b>	<b>11.83%</b>
Trung bình 20 ngày	5,212.64	-13.11%	2,301.76	-21.55%	585.12	-14.64%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	196	42%	10	33%	73	21%
<b>Số mã giảm</b>	197	42%	17	57%	76	21%
<b>Số mã đứng giá</b>	72	15%	3	10%	207	58%



Thị trường chứng khoán trong nước tiếp tục có diễn biến giao dịch giằng co trong phiên hôm nay khi các cổ phiếu trụ tăng giảm đan xen giúp giữ chỉ số. Dòng tiền ở nhóm này có xu hướng sụt giảm dần. Trong khi đó, một số cổ phiếu mid cap và small cap có sự bứt phá về thanh khoản trong phiên hôm nay.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa sát mốc tham chiếu tại mức 888.97 điểm (+0.02%). Thanh khoản giảm so với phiên trước với KLGD khớp lệnh đạt 269.6 triệu cổ phiếu (-4.7%), tương đương 4,529 tỷ đồng giá trị (-7.3%). Độ rộng thị trường khá cân bằng khi số mã tăng giảm tương đương nhau (196 mã tăng so với 197 mã giảm).

Với Vingroup-VIC (+0.7%), Vietinbank-CTG (+1.2%), HDBank-HDB (+3.6%) là những Bluechips dẫn đầu đà tăng trên sàn HoSE. Trong khi đó, một số cổ phiếu thuộc nhóm BĐS như Phát Đạt-PDR (+4.8%), Xây dựng Hà Đô-HDG (+5.0%), Tập đoàn Đại Dương-OGC (+7.0%) cùng nhóm xây dựng như Đạt Phương-DPG (+6.8%), Hưng Thịnh Incons-HTN (+6.9%), Bất động sản và Đầu tư VRC-VRC (+6.9%) ghi nhận mức phiên tăng điểm khá tốt kèm thanh khoản tăng vọt. Ngược lại, Becamex IDC-BCM (-3.8%), Vinamilk-VNM (-0.7%), Vinhomes-VHM (-0.5%) là những cổ phiếu trụ kim hãm chỉ số.

Về giao dịch của khối ngoại, áp lực bán ròng quay trở lại trên sàn HoSE, đạt giá trị 351.5 tỷ đồng. Trong đó, Vinhomes-VHM (-162.3 tỷ), Hòa Phát-HPG (-141.1 tỷ), Nhà Khang Điền-KDH (-132.6 tỷ) là những cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất. Trái lại, Petrolimex-PLX (+155.3 tỷ), Nam Long-NLG (+26.5 tỷ), Vincom Retail-VRE (+25.4 tỷ) được khối này tập trung mua vào.

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VNM	1,381.1	172.45
TCB	5,460.9	115.43
VIC	870.0	81.95
NVL	690.0	42.37
SAM	3,118.4	32.06
VPB	1,200.0	25.20
VRE	828.0	23.15
PDR	580.7	17.75
CTI	1,120.0	15.68
SBT	1,001.3	14.92
<b>HNX</b>		
SHB	2,709.2	37.39
QHD	720.0	15.70
SHS	1,025.1	11.70
GKM	378.7	6.34
VHL	109.3	2.30
TIG	100.0	0.67
NDN	26.1	0.37
VIT	23.0	0.27

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng giảm co và đóng cửa tăng nhẹ tại mức 126.21 điểm (+0.31%). KLGD khớp lệnh đạt 48.5 triệu cổ phiếu (+19.5%), tương đương 499.4 tỷ đồng giá trị (+11.8%).

Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB là trụ cột chính đóng góp vào đà tăng điểm của HNX-Index khi đóng cửa tăng 5.0% nhờ được khối ngoại mua vào. Bên cạnh đó, Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+3.5%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (+4.8%), Bột giặt Net-NET (+5.0%) cũng là những cổ phiếu đóng cửa tăng điểm đáng chú ý. Ở chiều ngược lại, Thaiholdings-THD (-9.5%), Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.5%) và Khách sạn Đại Dương-OCH (-9.1%) giảm điểm gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh mua ròng trên sàn Hà Nội trong hôm nay với giá trị 21.6 tỷ đồng (+1,107.7%). Với lực mua tập trung chủ yếu ở các cổ phiếu Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+21.3 tỷ), Vicostone-VCS (+3.2 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.7 tỷ). Trái lại, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-1.2 tỷ), Mía đường Sơn La-SLS (-0.8 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-0.8 tỷ) là những cổ phiếu bị khối này bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm nhẹ trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền vẫn khá thận trọng. Không những vậy, chỉ số vẫn nằm dưới MA5 cùng với MA5 cắt xuống dưới MA10, cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn còn hiện hữu và vùng 880 điểm (đỉnh cũ tháng 7/2020) sẽ là vùng hỗ trợ quan trọng. Tuy nhiên, chỉ số vẫn giữ được trên MA20, kèm theo ADX nằm trên 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi. Do đó, trong trường hợp chỉ số có thể vượt lên trên MA5 thì cơ hội quay lại xu hướng chính sẽ xuất hiện, khi đó chỉ số có thể sẽ có cơ hội thử thách lại vùng 900-905 điểm (đỉnh tháng 6/2020) và xa hơn có thể là vùng 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cho thấy chỉ số có thể vẫn giữ được xu hướng phục hồi và có cơ hội hướng lên thử thách vùng 127.4 điểm (Fib 127.2). Nhìn chung, thị trường vẫn trong nhịp điều chỉnh mang tính rũ bỏ các vị thế yếu nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi chính bền vững hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
OGC	6.6	5,640.0	7.0%
CCI	13.8	0.0	7.0%
TNC	24.6	15.3	7.0%
TGG	1.2	3,428.6	7.0%
DTA	4.3	79.6	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PNC	8.4	0.2	-7.0%
DTL	9.9	0.0	-7.0%
SVT	14.0	1.1	-6.7%
PGI	19.6	31.2	-6.2%
MHC	7.5	741.4	-5.3%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DBC	49.9	292.6	4.3%
HPG	24.5	286.3	-0.4%
GEX	25.3	239.2	-2.5%
VHM	77.7	182.3	-0.5%
VNM	123.8	118.6	-0.7%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	11,672.4	-0.4%
GEX	25.3	9,431.3	-2.5%
HAG	4.9	8,522.9	2.3%
DLG	1.5	8,013.5	0.0%
HSG	11.9	7,748.2	0.4%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HKB	0.8	810.9	14.3%
VIG	0.9	119.2	12.5%
AAV	8.8	493.8	10.0%
HBS	2.2	67.9	10.0%
VGP	22.3	20.1	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.6	894.4	-14.3%
ACM	0.7	538.1	-12.5%
SCI	73.8	60.6	-10.0%
SAF	42.4	0.2	-9.8%
THD	76.5	0.1	-9.5%

#### Top 5 giá trị

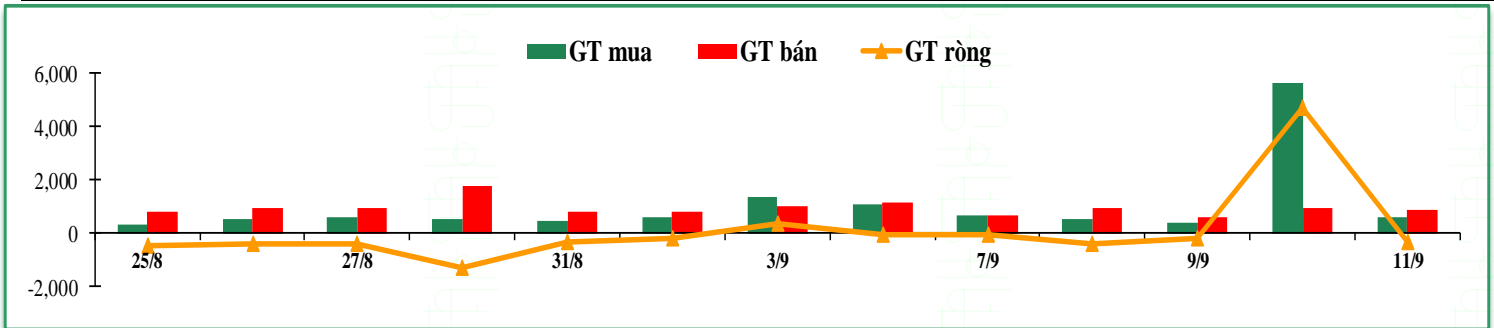
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	14.6	102.7	5.0%
SHS	11.6	49.7	1.8%
ACB	20.8	49.0	-0.5%
NVB	8.8	29.5	3.5%
AMV	18.1	20.9	1.1%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	14.6	7,119.3	5.0%
SHS	11.6	4,315.7	1.8%
NVB	8.8	3,424.1	3.5%
MST	3.2	2,365.0	6.7%
ACB	20.8	2,350.1	-0.5%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	543.2	12.0%	894.7	19.8%	-351.5
HNX	29.6	5.9%	8.0	1.6%	21.6
<b>Tổng số</b>	<b>572.8</b>		<b>902.8</b>		<b>-330.0</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	49.7	160.1	-0.8%
VNM	123.8	76.3	-0.7%
HPG	24.5	41.0	-0.4%
MBB	17.9	35.6	0.3%
NLG	28.0	32.9	1.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	182.0	-0.4%
VHM	77.7	179.2	-0.5%
KDH	24.1	132.9	0.6%
VNM	123.8	127.2	-0.7%
MBB	17.9	35.6	0.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	49.7	155.3	-0.8%
NLG	28.0	26.5	1.8%
VRE	28.4	25.4	0.0%
VIC	91.1	11.3	0.7%
DGW	52.6	6.2	2.3%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	14.6	21.4	5.0%
VCS	67.6	5.6	-0.3%
TIG	7.0	0.8	-1.4%
IDV	49.2	0.2	0.0%
INN	27.4	0.2	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	67.6	2.4	-0.3%
SHS	11.6	1.2	1.8%
SLS	72.2	0.8	0.0%
PVS	12.3	0.8	-0.8%
VIX	12.3	0.6	-3.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	14.6	21.3	5.0%
VCS	67.6	3.2	-0.3%
TIG	7.0	0.7	-1.4%
INN	27.4	0.2	0.0%
CVN	15.2	0.1	1.3%

## Tin trong nước

### **V.N.M ETF giữ nguyên danh mục cổ phiếu Việt Nam trong kỳ cơ cấu quý III, hạ tỷ trọng xuống 64,48%**

Sáng nay, quỹ ETF MV Index Solutions (MVIS) chính thức công bố kỳ đảo danh mục quý III của chỉ số MVIS Vietnam Index - chỉ số cơ sở của quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF (V.N.M ETF).

Theo đó, quỹ này giữ nguyên danh mục các cổ phiếu Việt Nam trong khi thêm vào một cổ phiếu nước ngoài của Hàn Quốc đồng thời loại cổ phiếu của Malaysia. Số lượng cổ phiếu trong danh mục MVIS Vietnam Index vẫn là 25, trong đó số lượng cổ phiếu Việt Nam là 15. Hai cổ phiếu VIC và VNM tiếp tục có tỷ trọng lớn nhất đều là 8%. Tổng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam hạ xuống còn 64,48%, thấp hơn so với mức 67,48%, tại kỳ đảo danh mục quý II.

Vì tổng tỷ trọng mới nhất tại ngày 11/9 của các cổ phiếu Việt Nam là 63,52% nên dự báo V.N.M ETF sẽ mua thêm 0,96% danh mục trong tuần tới để đảm bảo tỷ trọng vừa được công bố.

Căn cứ trên số liệu cập nhật mới nhất của MVIS Vietnam Index, ước tính trong tuần tới, quỹ này sẽ mua vào khoảng 743.000 cổ phiếu VIC và 571.000 cổ phiếu VRE. Ngược lại, quỹ này dự kiến sẽ bán ra 2 triệu cổ phiếu POW. Các mã khác như SBT hay TCH cũng bị bán ra lần lượt 880.000 cổ phiếu và 835.000 cổ phiếu.

Trước đó, quỹ db x-trackers FTSE Vietnam UCITS ETF (FTSE ETF) – đầu tư dựa trên chỉ số cơ sở FTSE Vietnam Index thêm cổ phiếu GEX của Gelex vào danh mục đầu tư kỳ quý III trong khi không loại ra cổ phiếu nào. Số lượng cổ phiếu Việt Nam trong FTSE Vietnam Index tăng lên 18.

Hai quỹ sẽ cần hoàn thành cơ cấu danh mục vào ngày 18/9.

### **HDBank chốt quyền chia cổ tức đợt 1 và thưởng cổ phiếu tổng tỷ lệ 30%**

HDBank ([HoSE: HDB](#)) thông báo ngày 2/10 là thời điểm chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 1 và phát hành cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tổng tỷ lệ 30%.

Trong đó, HDBank sẽ phát hành 145 triệu cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương đương tỷ lệ phát hành 15%. Nguồn vốn phát hành lấy từ thặng dư vốn cổ phần trong BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán.

Ngân hàng cũng phát hành gần 145 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 15%. Nguồn vốn phát hành lấy từ lợi nhuận chưa phân phối lũy kế trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán.

Theo BCTC năm 2019 đã kiểm toán, nhà băng này ghi nhận 6.130 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và giá trị thặng dư vốn cổ phần 2.042 tỷ đồng.

Như vậy, HDBank sẽ phát hành tổng cộng gần 290 triệu cổ phiếu, vốn điều lệ dự kiến tăng thành 12.708 tỷ đồng.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Dabaco chuyển 634 tỷ đồng lợi nhuận từ các công ty con về để tạm ứng cổ tức 2020**

Tập đoàn Dabaco Việt Nam (Dabaco, HoSE: DBC) thông báo quyết định HĐQT phê duyệt phương án điều chuyển 634 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của các công ty con về công ty mẹ tại ngày 31/7 để thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2020.

Vào ngày 1/9, tập đoàn đã họp đánh giá tình hình sản xuất tháng 7-8 và quyết định tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 15%, đương đương với tổng thanh toán 157 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng 17/9 và ngày thanh toán 30/9.

Tuy nhiên, tính đến cuối quý II, phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC công ty mẹ chỉ gần 9 tỷ đồng. Sau quyết định điều chuyển, phần lợi nhuận này tại ngày 31/7 của công ty mẹ tăng lên 665,4 tỷ đồng, gấp 3,3 lần con số đầu năm.

Về hoạt động kinh doanh, tập đoàn cho biết doanh thu 2 tháng 7 và 8 đạt 2.370 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế ước 261 tỷ đồng, bằng với 35% lợi nhuận 6 tháng đầu năm.

Lũy kế 8 tháng, Dabaco ghi nhận doanh thu 8.678 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế ước 1.011 tỷ đồng, vượt 121% kế hoạch năm.

### **TIP chào bán cổ phiếu cho cổ đông tăng vốn 54%**

Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa (HoSE: TIP) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 về việc huy động vốn từ cổ đông hiện hữu và điều chỉnh Dự án Khu du lịch, thương mại, logistics tại xã lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Cụ thể, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ việc biểu quyết chủ trương điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án trên từ 744 tỷ đồng lên gần 2.078 tỷ đồng (tức tăng thêm 1.334 tỷ). Đồng thời HĐQT cũng muốn bổ sung thêm mục tiêu “đầu tư Khu công nghiệp” vào mục tiêu chung của dự án.

Nhằm tài trợ một phần vốn cho việc tăng đầu tư dự án này, TIP trình cổ đông phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 54% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được hưởng quyền mua 54 cổ phiếu mới).

Tổng khối lượng dự kiến phát hành hơn 14 triệu cổ phiếu, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 90%. Sau phát hành, công ty sẽ tăng vốn điều lệ lên thành 400 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III.

Giá chào bán là 10.000 đồng/cp, tương đương giá trị vốn huy động tối đa 140 tỷ đồng, toàn bộ dùng để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án trên. Trong khi đó cổ phiếu TIP tăng mạnh lên khoảng giá 28.000 đồng/cp, cao gấp đôi so với thời điểm đầu tháng 4.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PPC	Mua	14/09/20	24.3	24.3	0.0%	26	7.0%	23.5	-3.3%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	LDG	Quan sát mua	14/09/20	6.59	7   7.7-8.1	Tín hiệu break vùng tích lũy và MA200 tích cực với hai phiên vol tăng liên tiếp, khả năng bước vào nhịp tăng mới -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 6.5-6.55
2	SHB	Quan sát mua	14/09/20	14.6	16   18	Phiên break nền tích lũy ngắn hạn kèm vol cao + MACD Hook, khả năng tiếp diễn xu hướng tăng -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 14.3-14.5
3	SHS	Quan sát mua	14/09/20	11.6	12.7 14.2-14.5	Nhịp tích lũy tích cực, vol tăng dần gần đây ở các phiên tăng + MACD Histogram tăng nhẹ trở lại -> khả năng sớm có phiên breakout
4	MWG	Quan sát mua	14/09/20	93.4	105-110	Tích lũy ngắn hạn quanh MA200 tích cực với vol giảm dần + MACD về gần Signal -> có cơ hội breakout, hình thành nhịp tăng ngắn
5	NLG	Quan sát mua	14/09/20	28	33.5	Nhịp điều chỉnh lấy đà bên dưới vùng kháng cự + có phiên tăng tốt vol cao trở lại -> khả năng quay lại nhịp tăng vượt và kháng cự mạnh 28-28.5

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.8	33.45	22.0%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	VRE	Mua	27/08/20	28.4	27.2	4.4%	28.6	5.1%	26.6	-2%	
3	DBC	Mua	10/09/20	49.9	48	4.0%	57	19%	45	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 11/09/2020						Thông tin chứng quyền						
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,170	-14.6 %	-24%	4	96	73,700	140	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,140	-1.4 %	39%	634	59	49,150	651	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,640	-2.4 %	9%	516	48	49,150	1,157	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,500	-3.2 %	-11%	10,692	42	49,150	1,160	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,350	-5.6 %	-10%	14,159	125	49,150	570	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	870	35.9 %	-19%	5,994	24	30,350	769	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	3,000	17.7 %	38%	16,035	27	30,350	2,853	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,050	-0.5 %	426%	10	20	24,450	5,482	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	3,990	-0.8 %	166%	1,000	5	24,450	1,220	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,660	-2.9 %	-11%	4,248	80	24,450	35	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,840	-1.0 %	140%	2,255	48	24,450	1,025	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,520	-3.2 %	-10%	12	129	24,450	545	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,750	-1.0 %	-2%	320	81	24,450	1,082	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,600	-1.5 %	-8%	3,030	220	24,450	1,408	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	5,950	-2.8 %	-11%	9,312	171	24,450	931	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,420	-2.1 %	-7%	12,056	87	55,000	609	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,480	-1.2 %	13%	818	125	24,450	151	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,020	-2.9 %	21%	14,773	70	59,500	1,369	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	1,750	-4.4 %	17%	8,622	70	11,150	1,036	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,250	-4.7 %	24%	14,232	87	123,800	1,760	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CVPB2009	1,630	2,030	0 %	25%	8,313	70	22,850	1,396	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,260	-1.6 %	-37%	4,585	59	17,850	322	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	-	0 %	-100%	-	45	17,850	0	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,010	-4.7 %	-8%	1,812	48	17,850	710	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,260	-2.3 %	-10%	2,035	125	17,850	676	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	550	-3.5 %	-76%	11,464	96	55,000	6	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	30	-25.0 %	-99%	24,100	5	55,000	(0)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	480	2.1 %	-77%	6,478	48	55,000	3	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,290	-7.9 %	-32%	6,849	125	55,000	425	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	2,920	-4.3 %	17%	14	20	93,400	871	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	250	0 %	-88%	209	45	93,400	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,320	-1.6 %	-12%	210	80	93,400	7,552	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,200	-0.8 %	-8%	16,261	46	93,400	874	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,670	-3.5 %	4%	13,701	42	93,400	1,461	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,780	-0.6 %	27%	25,824	125	93,400	1,289	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,800	-7.2 %	-22%	488	96	62,900	90	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,540	1.2 %	27%	1,290	180	62,900	930	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	340	-12.8 %	-86%	7,616	20	59,500	(0)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	130	0 %	-94%	20	45	59,500	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	460	-4.2 %	-54%	8,540	48	59,500	90	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	820	-3.5 %	-18%	17,016	125	59,500	324	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,850	1.1 %	85%	29,851	48	38,700	1,764	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,250	1.6 %	107%	2,601	42	38,700	3,101	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,060	0 %	58%	120	125	38,700	1,642	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	0 %	-84%	10,125	96	2,180	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	150	-25.0 %	-95%	1,433	96	14,100	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	950	-4.0 %	-44%	10,211	96	11,150	180	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	160	-23.8 %	-88%	67,392	5	11,150	50	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2004	1,400	1,100	-5.2 %	-21%	6,471	80	11,150	465	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	410	7.9 %	-62%	17,677	53	11,150	23	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	790	1.3 %	-47%	988	206	11,150	191	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	310	0 %	-85%	3,003	45	21,300	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,620	-1.2 %	-46%	743	80	21,300	380	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,840	-3.7 %	53%	3,340	48	21,300	1,686	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,600	-4.2 %	-6%	1,440	125	21,300	932	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	990	-9.2 %	-68%	120	96	77,700	9	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	6,810	-5.9 %	-41%	3,741	80	77,700	2,913	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,160	-7.2 %	16%	11,030	48	77,700	799	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	200	-20.0 %	-87%	9,391	24	77,700	0	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	970	-3.0 %	-31%	11,118	125	77,700	334	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	200	0 %	-92%	500	96	105,800	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	-	0 %	-100%	-	48	105,800	1	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	100	0 %	-94%	1,360	24	105,800	(0)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	14,740	-6.0 %	-16%	1,528	80	123,800	7,377	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,450	-3.9 %	63%	4,424	48	123,800	2,121	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	360	-14.3 %	-76%	3,715	24	123,800	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	-	0 %	-100%	-	180	123,800	259	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	1,980	-4.8 %	10%	5,016	125	123,800	1,204	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,490	0.7 %	-56%	9,304	80	22,850	379	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	950	0 %	-44%	18,006	48	22,850	352	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,610	-2.4 %	-11%	13,782	125	22,850	890	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	350	-7.9 %	-88%	25,364	96	28,400	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,620	-1.9 %	-35%	2,906	80	28,400	1,243	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,460	-0.7 %	33%	4,402	48	28,400	1,373	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	660	-2.9 %	-57%	12,268	206	28,400	194	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,250	-2.3 %	4%	2,143	125	28,400	778	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">DBD</a> (New)	HOSE	45,900	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a> (New)	HOSE	82,300	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a> (New)	HOSE	48,300	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a> (New)	HOSE	58,500	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	28,400	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,000	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	93,400	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	62,900	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,750	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	123,800	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	55,000	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	24,450	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	104,500	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	104,800	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	22,850	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	56,200	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,700	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	59,500	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	41,400	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
<a href="#">STK</a>	HOSE	15,300	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

#### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

#### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

#### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

#### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.